

Phụ lục VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-SGDVN ngày..... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16824/Taya-Vn-cbtt

Biên Hòa, ngày 16 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

- Mã chứng khoán: TYA

- Địa chỉ: số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

- E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw

2. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình và báo cáo tài chính Tổng hợp soát xét bán niên năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/08/2024 Tại đường dẫn: www.taya.com.vn mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Người UQ CBTT



LINH THIN PAU

(Trưởng phòng Quản lý Chứng khoán)

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM
(Giải trình BCTC kiểm toán bán niên năm 2024–Tổng hợp)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình Báo cáo tài chính bán niên kiểm toán Tổng hợp năm 2024 tăng lợi nhuận trên 10% so với cùng kỳ năm 2023 và chênh lệch số liệu so với báo cáo tài chính quý 2 năm 2024 trước kiểm toán như sau:

I. Giải trình tăng lợi nhuận trên 10% so với cùng kỳ năm 2023:

Lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2024 tổng hợp công ty khoảng 34,23 tỷ đồng so với lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2023 thua lỗ khoảng -873,2 triệu đồng. Nguyên nhân trong quý 1 và quý 2/2023 kinh tế thế giới suy yếu ảnh hưởng doanh thu giảm sâu và chi phí tài chính gia tăng nên thua lỗ. Sáu tháng đầu năm 2024 kinh tế thế giới chuyển biến tích cực. Công ty tiêu thụ hàng hóa tích cực thuận lợi, và yếu tố giảm chi phí tài chính, tăng doanh thu hoạt động tài chính. Do vậy Quý 2/2024 công ty kinh doanh có lãi.

II. Giải trình chênh lệch số liệu so với báo cáo tài chính quý 2 năm 2024 trước kiểm toán:

So sánh chênh lệch số liệu:

ĐVT: đồng

Nội dung	Số liệu kiểm toán	Số liệu tự quyết	Tăng/giảm so với kiểm toán
Bảng cân đối kế toán			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (123)	361.184.671.656	361.351.981.656	-167.310.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng (131)	256.691.713.909	277.032.004.542	-20.340.290.633
Phải thu NH khác (136)	8.436.956.204	13.788.181.234	-5.351.225.030
Tài sản NH khác (155)	305.392.655	156.482.655	148.910.000
Người mua trả tiền trước (312)	57.764.908.323	78.105.198.956	-20.340.290.633
Phải trả ngắn hạn khác (319)	7.697.823.337	13.067.448.367	-5.369.625.030
Bảng lãi lỗ			
Thu nhập hoạt động tài chính	15.503.608.197	15.997.194.519	-493.586.322
Chi phí tài chính	15.159.838.912	15.653.425.234	-493.586.322

1. Giải trình cụ thể:

Bảng cân đối kế toán

- Kiểm toán điều chỉnh giảm Phải thu ngắn hạn của khách hàng (131) phát sinh chênh lệch -20.340.290.633

ảnh hưởng điều chỉnh giảm Người mua trả tiền trước ngắn hạn(312)phát sinh chênh lệch -20.340.290.633.

- Kiểm toán điều chỉnh giảm Phải thu ngắn hạn khác (136) phát sinh chênh lệch -5.351.225.030 được cân trừ nhau giữa các số chênh lệch -167.310.000 do điều chỉnh giảm Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (123), số chênh lệch 148.910.000 do điều chỉnh tăng Tài sản NH khác (155) và số chênh lệch-5.369.625.030 do điều chỉnh giảm Phải trả ngắn hạn khác (319).
- Do điều chỉnh và phân loại lại các số liệu trên đã ảnh hưởng làm thay đổi các số liệu khác trong Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Kiểm toán điều chỉnh giảm Thu nhập hoạt động tài chính phát sinh chênh lệch -493.586.322 làm ảnh hưởng điều chỉnh giảm Chi phí tài chính phát sinh chênh lệch -493.586.322.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Do ảnh hưởng bởi những điều chỉnh và thay đổi các số liệu nêu trên, một vài số liệu tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cũng được điều chỉnh, phân loại và trình bày lại nhưng không làm thay đổi số dư cuối kỳ.

Trân trọng và kính chào!

Đồng Nai, ngày 16 tháng 08 năm 2024

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Tổng giám đốc

Hsu Ching Yao





**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003	
414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004	
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007	
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp		

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	3600241468	ngày 20 tháng 9 năm 2022
	3600241468	ngày 27 tháng 4 năm 2023
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hsu Ching Yao Ông Huang Shih Che	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 13 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 6 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

172
CÔNG TY TNHH
12-00
HÀNG
TY TNHH
MG
HỒ CH



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00451-24-2




Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Bành Thúy Phượng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4626-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.036.772.146.803	871.637.531.405
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	114.690.068.145	48.132.538.897
Tiền	111		114.360.068.145	46.863.967.394
Các khoản tương đương tiền	112		330.000.000	1.268.571.503
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		361.184.671.656	268.851.981.656
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	361.184.671.656	268.851.981.656
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		268.023.234.805	241.427.734.249
Phải thu của khách hàng	131	9(a)	256.691.713.909	213.403.021.882
Trả trước cho người bán	132	9(b)	3.918.523.980	24.675.467.045
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(c)	8.436.956.204	4.373.204.610
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
Hàng tồn kho	140	10	273.025.211.051	284.459.491.155
Hàng tồn kho	141		280.294.886.532	286.865.254.589
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.269.675.481)	(2.405.763.434)
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.848.961.146	28.765.785.448
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.222.724.213	2.360.464.098
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(a)	16.320.844.278	25.586.886.343
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	699.004.352
Tài sản ngắn hạn khác	155		305.392.655	119.430.655
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		79.840.321.252	83.705.171.725
Tài sản cố định	220		74.433.731.433	75.029.670.135
Tài sản cố định hữu hình	221	11	74.433.731.433	75.029.670.135
Nguyên giá	222		517.341.439.612	514.557.972.917
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(442.907.708.179)	(439.528.302.782)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.000.078.800)	(1.000.078.800)
Tài sản dở dang dài hạn	240		300.000.000	4.230.182.354
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	300.000.000	4.230.182.354
Tài sản dài hạn khác	260		5.106.589.819	4.445.319.236
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.023.951.347	3.908.728.028
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.082.638.472	536.591.208
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.116.612.468.055	955.342.703.130

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		610.335.580.785	475.607.595.533
Nợ ngắn hạn	310		610.335.580.785	475.607.595.533
Phải trả người bán	311	14	14.674.311.326	31.148.605.026
Người mua trả tiền trước	312		57.764.908.323	20.107.881.156
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(b)	5.518.436.272	6.038.829.742
Phải trả người lao động	314		5.970.043.136	8.506.566.588
Chi phí phải trả	315		6.283.064.110	3.686.537.391
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	7.697.823.337	35.707.097
Vay ngắn hạn	320	17	512.426.994.281	406.083.468.533
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		506.276.887.270	479.735.107.597
Vốn chủ sở hữu	410	18	506.276.887.270	479.735.107.597
Vốn cổ phần	411	19	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	19	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	21	104.304.882.632	104.160.685.081
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.345.394.001	68.947.811.879
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		61.108.955.245	67.986.494.868
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		34.236.438.756	961.317.011
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.116.612.468.055	955.342.703.130

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	849.735.339.888	720.047.648.991
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	769.299.922.729	666.614.836.370
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		80.435.417.159	53.432.812.621
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	15.503.608.197	11.546.050.718
Chi phí tài chính	22	26	15.159.838.912	25.309.189.914
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.592.101.806	15.666.354.919
Chi phí bán hàng	25	27	16.222.320.533	12.168.192.410
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21.576.092.953	21.818.241.631
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		42.980.772.958	5.683.239.384
Thu nhập khác	31		267.424.724	60.965.965
Chi phí khác	32		969.605.228	1.406.981.189
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(702.180.504)	(1.346.015.224)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		42.278.592.454	4.337.224.160
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	8.588.200.962	5.048.642.835
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(546.047.264)	161.879.670
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		34.236.438.756	(873.298.345)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.082	(28)

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	42.278.592.454	4.337.224.160
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	6.719.060.708	6.819.502.846
Các khoản dự phòng	03	4.863.912.047	(820.814.021)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.944.936.695	(4.891.962.538)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(260.000.000)	-
Lãi tiền gửi	05	(9.298.439.024)	(4.847.933.256)
Chi phí lãi vay	06	10.592.101.806	15.666.354.919
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	56.840.164.686	16.262.372.110
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(11.993.818.370)	99.899.859.286
Biến động hàng tồn kho	10	6.570.368.057	628.251.673
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	16.626.197.871	(14.137.126.749)
Biến động chi phí trả trước	12	(977.483.434)	(92.647.045)
		67.065.428.810	102.560.709.275
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.269.954.398)	(16.734.800.965)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.838.002.338)	(4.102.488.947)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.513.583)	(814.730.413)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.932.958.491	80.908.688.950
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(4.908.419.652)	(1.934.684.337)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	260.000.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(207.000.000.000)	(195.932.301.370)
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	114.667.310.000	179.222.301.370
Tiền thu lãi tiền gửi	27	6.041.895.430	5.245.012.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(90.939.214.222)	(13.399.672.197)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	711.488.691.738	574.019.395.380
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(605.999.591.399)	(567.230.983.585)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	105.489.100.339	6.788.411.795
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	66.482.844.608	74.297.428.548
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	48.132.538.897	89.646.925.771
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	74.684.640	258.157.146
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	114.690.068.145	164.202.511.465

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Hsu Ching Yao
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 337 nhân viên (1/1/2024: 338 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Phí hội viên câu lạc bộ golf*

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

M.S.C.N. 001 ANH TINI IG CHỈ

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ cho việc chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh, sản xuất và bán dây cáp điện và chủ yếu trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không phụ thuộc vào các biến động thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ của năm trước.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	2.316.952.000	1.739.902.000
Tiền gửi ngân hàng	112.043.116.145	45.124.065.394
Các khoản tương đương tiền	330.000.000	1.268.571.503
	<hr/>	<hr/>
	114.690.068.145	48.132.538.897

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm từ 2,1% đến 5,0% trong kỳ (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 2,5% đến 5,0% một năm).

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	3% - 7,8%	361.184.671.656	268.851.981.656

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Công ty với số tiền là 1.240 triệu VND (1/1/2024: 1.240 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản phải thu ngắn hạn****(a) Phải thu của khách hàng**

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	5.285.259.932	4.151.354.856
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	75.445.262.440	33.323.422.726
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	22.470.493.149	23.667.127.691
Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	28.478.745.495	25.256.283.679
Các khách hàng khác	125.011.952.893	127.004.832.930
	<hr/>	
	256.691.713.909	213.403.021.882
	<hr/>	

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Trả trước cho người bán

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trả trước cho Công ty TNHH Thương mại Đức Biên để mua nguyên vật liệu	-	23.562.303.138
Trả trước cho Công ty TNHH PCCC Tâm Đức Phát để mua tài sản dài hạn	2.502.000.000	-
Trả trước cho Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Vĩnh Minh Việt Nam để mua tài sản dài hạn	1.047.480.000	-
Các nhà cung cấp khác	369.043.980	1.113.163.907
	<hr/>	
	3.918.523.980	24.675.467.045
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi phải thu	7.582.248.204	4.325.704.610
Phải thu khác	854.708.000	47.500.000
	8.436.956.204	4.373.204.610

10. Hàng tồn kho

	30/6/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	5.485.534.131	-	20.154.036.923	-
Nguyên vật liệu	62.125.780.173	(1.695.177.902)	40.663.914.748	-
Sản phẩm dở dang	49.921.056.177	(3.447.525.842)	65.561.834.032	(112.540.086)
Thành phẩm	162.762.516.051	(2.126.971.737)	160.485.468.886	(2.293.223.348)
	280.294.886.532	(7.269.675.481)	286.865.254.589	(2.405.763.434)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	2.405.763.434	2.892.363.816
Tăng dự phòng trong kỳ	4.863.912.047	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(820.814.021)
Số dư cuối kỳ	7.269.675.481	2.071.549.795

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 24.914 triệu VND nguyên vật liệu, 183.196 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2024: 69.154 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	152.176.416.530	335.617.711.736	13.509.388.222	5.522.337.977	7.732.118.452	514.557.972.917
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.079.270.154	2.043.851.852	-	-	6.123.122.006
Thanh lý	-	(2.407.799.311)	(931.856.000)	-	-	(3.339.655.311)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	152.176.416.530	337.289.182.579	14.621.384.074	5.522.337.977	7.732.118.452	517.341.439.612
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	115.977.927.871	299.749.895.585	11.875.048.285	4.409.550.562	7.515.880.479	439.528.302.782
Khấu hao trong kỳ	1.513.765.494	4.702.110.274	280.803.982	183.428.400	38.952.558	6.719.060.708
Thanh lý	-	(2.407.799.311)	(931.856.000)	-	-	(3.339.655.311)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	117.491.693.365	302.044.206.548	11.223.996.267	4.592.978.962	7.554.833.037	442.907.708.179
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	36.198.488.659	35.867.816.151	1.634.339.937	1.112.787.415	216.237.973	75.029.670.135
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	34.684.723.165	35.244.976.031	3.397.387.807	929.359.015	177.285.415	74.433.731.433

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 342.645 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 339.959 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.230.182.354
Tăng trong kỳ	2.192.939.652
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.123.122.006)
	300.000.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	300.000.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phần mềm vi tính	300.000.000	300.000.000
Máy móc và thiết bị	-	3.930.182.354
	300.000.000	4.230.182.354
	300.000.000	4.230.182.354

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.083.818.011	2.824.910.017	3.908.728.028
Tăng trong kỳ	-	1.032.924.288	1.032.924.288
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(889.276.689)	(917.700.969)
	1.055.393.731	2.968.557.616	4.023.951.347
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.055.393.731	2.968.557.616	4.023.951.347

042
 NH
 TY
 PM
 HỒ

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán

	30/6/2024	1/1/2024
	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	1.848.139.136	983.171.638
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Vinacompound Hưng Yên	2.431.038.940	3.251.185.520
Fu Pao Chemical Co., Ltd.	2.334.486.076	-
Công ty TNHH Vinacompound Mitsui & Co., Ltd	1.739.540.000	942.480.000
Mitsui & Co., Ltd	-	20.154.036.923
Các nhà cung cấp khác	6.321.107.174	5.817.730.945
	14.674.311.326	31.148.605.026

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

001-
NH
NH
G
CHI

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cần trừ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	25.586.886.343	78.543.658.813	(29.470.000.000)	(58.339.700.878)	16.320.844.278

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cần trừ VND	Phân loại lại VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.280.668.953	56.059.031.925	-	(58.339.700.878)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	35.763.589.549	(35.763.589.549)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.215.528.461	8.588.200.962	(5.838.002.338)	-	(590.412.865)	5.375.314.220
Thuế thu nhập cá nhân	542.632.328	752.062.652	(1.151.572.928)	-	-	143.122.052
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.289.985.870	(1.289.985.870)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	970.690.849	(862.099.362)	-	(108.591.487)	-
	6.038.829.742	103.423.561.807	(44.905.250.047)	(58.339.700.878)	(699.004.352)	5.518.436.272

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	7.670.145.500	-
Phải trả khác	27.677.837	35.707.097
	<hr/>	<hr/>
	7.697.823.337	35.707.097
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ				30/6/2024
	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	406.083.468.533	711.488.691.738	(605.999.591.399)	854.425.409	512.426.994.281

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Hà Nội (a)	3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,44%	104.820.000.000	62.926.000.000
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	100.002.311.148	-
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	7,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	88.329.495.931	50.042.181.794
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Hà Nội (a)	5,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	67.738.000.000	72.759.000.000
Ngân hàng CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	49.794.246.116	1.132.779.026
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking (b)	72 tỷ VND	VNIBOR 6 tháng + 1,3%	34.493.096.920	62.937.349.516
Ngân hàng E.SUN Commercial Bank, Chi nhánh Đồng Nai (b)	4,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 0,75%	37.944.850.175	-
Ngân hàng Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	10 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,25%	21.797.156.444	119.304.404.123
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	8,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 2,75%	3.585.447.520	29.760.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Biên Hòa (b)	50 tỷ VND	3,6%	2.462.360.027	5.795.747.074
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 0,94%	1.460.030.000	1.426.007.000
			512.426.994.281	406.083.468.533

- a. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
b. Các khoản vay này không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	306.899.450.637	(272.840.000)	99.368.153.238	85.865.989.924	491.860.753.799
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.792.531.843	(4.792.531.843)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(814.730.413)	(814.730.413)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(12.272.232.800)	(12.272.232.800)
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(873.298.345)	(873.298.345)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	306.899.450.637	(272.840.000)	104.160.685.081	67.113.196.523	477.900.492.241
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	306.899.450.637	(272.840.000)	104.160.685.081	68.947.811.879	479.735.107.597
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	144.197.551	(144.197.551)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(24.513.583)	(24.513.583)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(7.670.145.500)	(7.670.145.500)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	34.236.438.756	34.236.438.756
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	306.899.450.637	(272.840.000)	104.304.882.632	95.345.394.001	506.276.887.270

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

20. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 22 tháng 4 năm 2024 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 7.670 triệu VND (250 VND một cổ phiếu) (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 12.272 triệu VND).

21. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	3.986.642.424	3.986.642.424
Trong vòng hai đến năm năm	15.946.569.696	15.946.569.696
Sau năm năm	44.464.400.012	46.638.707.036
	64.397.612.132	66.571.919.156

(b) Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.494.894	63.003.877.335	107.024	2.577.100.892

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	839.933.252.264	712.633.097.110
▪ Bán hàng hóa	1.994.430.165	596.615.400
▪ Bán phế liệu	7.171.190.547	6.384.100.641
▪ Cho thuê	636.466.912	433.835.840
	849.735.339.888	720.047.648.991

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ		
▪ Thành phẩm đã bán	762.427.584.759	666.802.007.194
▪ Hàng hóa đã bán	1.958.292.708	572.375.874
▪ Dịch vụ cho thuê	50.133.215	61.267.323
▪ Tăng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.863.912.047	(820.814.021)
	769.299.922.729	666.614.836.370

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.298.439.024	4.847.933.256
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.205.169.173	6.698.117.462
	15.503.608.197	11.546.050.718

26. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí lãi vay	10.592.101.806	15.666.354.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.567.737.106	9.642.834.995
	15.159.838.912	25.309.189.914

27. Chi phí bán hàng

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	6.527.429.521	6.102.966.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.991.550.611	1.677.993.246
Chi phí khác	7.703.340.401	4.387.232.323
	16.222.320.533	12.168.192.410

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	10.898.874.637	11.138.072.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.152.414.279	7.685.176.494
Chi phí khác	2.524.804.037	2.994.992.925
	21.576.092.953	21.818.241.631

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	692.377.676.333	613.826.768.234
Chi phí nhân công và nhân viên	38.179.321.298	34.991.996.745
Chi phí khấu hao	6.719.060.708	6.819.502.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.895.786.930	29.167.236.538
Chi phí khác	22.652.372.881	22.182.108.393

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	8.588.200.962	2.843.472.578
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	2.205.170.257
	8.588.200.962	5.048.642.835
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(546.047.264)	161.879.670
	8.042.153.698	5.210.522.505

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.278.592.454	4.337.224.160
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	6.341.788.868	650.583.624
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho Chi nhánh	643.262.523	478.127.355
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	308.015.232	537.040.000
Chi phí không được khấu trừ thuế	749.087.075	1.339.601.269
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	2.205.170.257
	8.042.153.698	5.210.522.505

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 15% trên lợi nhuận tính thuế. Ưu đãi thuế suất này không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Chi nhánh

Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi theo từng thời kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận/(lỗ) thuần về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ cho việc chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông trong kỳ	34.236.438.756	(873.298.345)
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	(1.027.093.163)	-
	33.209.345.593	(873.298.345)

(*) Số chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được tạm tính bằng 3% lợi nhuận thuần trong kỳ của Công ty. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ	30.680.582	30.680.582

(iii) Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	1.082	(28)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ/năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2024 đến 30/6/2024 VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 VND	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	5.366.325.375	672.282.655	286.500.205	255.506.301
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.177.870.746	1.015.478.766	1.561.638.931	727.665.337
Phí dịch vụ	9.934.470.000	13.856.760.000	-	-
Công ty mẹ				
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã phân phối	6.138.793.000	9.822.068.800	6.138.793.000	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	18.727.321.397	18.011.272.509	5.285.259.932	4.151.354.856
Mua nguyên vật liệu	19.689.760	-	-	-
Cho thuê	636.466.912	433.835.840	-	-
Công ty TNHH Jung Shing Wire (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	-	1.225.710.091	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.735.730.188	1.525.855.413	-	-
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	757.832.652	783.902.350	-	-
Cổ tức đã phân phối cho thành viên Hội đồng Quản trị	117.240.750	178.385.200	117.240.750	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch	250.499.552	215.906.846	126.752.629	73.252.481

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

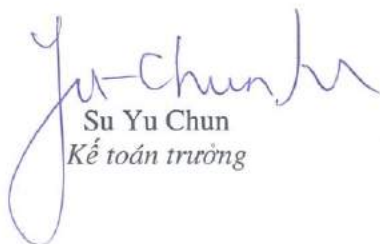
- (*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd., công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 8 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

33. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:


Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
TAYA
VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - TỈNH
ĐỒNG NAI


CÔNG TY CỔ PHẦN
DÂY VÀ CÁP ĐIỆN
TAYA
VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - TỈNH
ĐỒNG NAI